

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2016/TLST/HNGĐ, ngày 09/11/2016 giữa:

* Nguyên đơn Chị Lương Thị X - sinh năm 1976

* Bị đơn Anh Dương Văn S - sinh năm 1976

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Dương Văn T - sinh năm 1982

2. Chị Nguyễn Thị B - sinh năm 1982 (Ủy quyền cho anh Dương Văn T tham gia giải quyết vụ án).

3. Bà Lương Thị Đ - sinh năm 1955 (Ủy quyền cho anh Dương Văn S tham gia giải quyết vụ án).

Đều trú tại: thôn B, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

4. Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B; Địa chỉ: tổ 4, Phường Đ , thành phố B, Bắc Kạn.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Thanh V - Giám đốc Chi nhánh Vật tư nông nghiệp huyện P

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đinh Xuân D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

* Nguyên đơn Chị Lường Thị X - sinh năm 1976

* Bị đơn Anh Dương Văn S - sinh năm 1976

Đều trú tại: thôn B, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị X và anh Dương Văn S thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: không có con chung

2.3. Về phần tài sản: Các bên đương sự đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về việc phân chia tài sản lập ngày 19/7/2017, cụ thể như sau:

2.3.1. Về tài sản xe máy:

- Xe máy Honda, loại xe Wave, biển kiểm soát 97B1- 359.72, xe màu đỏ-đen giao cho chị Lường Thị X có quyền sở hữu.

- Xe máy Hon da, loại xe Wave, biển kiểm soát 97B1- 287.21, giao cho anh Dương Văn S có quyền sở hữu.

2.3.2. Về đất có nhà ở:

Việc đo đạc đất thực hiện bằng phương pháp thủ công do các bên đương sự xác định mốc giới có thay đổi về diện tích và các cạnh khi được đo đạc bằng phương pháp đo đạc chính quy.

* Về phần đất chị Lường Thị X được chia (có sơ đồ chia đất kèm theo) thuộc thửa số 94 tờ bản đồ số 46 đo đạc năm 2009, diện tích 460m², cụ thể:

- Phía Bắc được xác định bằng các điểm 1,2,3,4: giáp với đất anh S

+ Từ điểm 1 đến điểm 2 có chiều dài 11m

+ Từ điểm 2 đến điểm 3 có chiều dài 09m

+ Từ điểm 3 đến điểm 4 có chiều dài 06m

(Điểm 1 giáp với tường nhà anh H, cách cột nhà anh H gần nhất 1,40m; điểm 2 là cây mắc Mật cách góc chuồng lợn nhà anh Slông 5m; điểm 3, điểm 4 được xác định bằng cột mốc đã có trên đất).

- Phía Tây được xác định từ điểm 4 đến điểm 7, giáp với đất anh Danh trong đó:

+ Từ điểm 4 đến điểm 5 có chiều dài 4m

+ Từ Điểm 5 đến điểm 6 có chiều 7,30m

+ Từ điểm 6 đến điểm 7 có chiều dài 09m

(Trong đó điểm 5 tại mép ao, điểm 6 cách cột điện 2m, điểm 7 cách cây vải gần nhất 2,5m).

- Phía Nam được xác định từ điểm 7 đến điểm 10: giáp với đất trồng cây hàng năm, trong đó:

+ Điểm 7 đến điểm 8 có chiều dài 02m

+ Từ điểm 8 đến điểm 9 có chiều dài 09m

+ Từ điểm 9 đến điểm 10 có chiều dài 9,30m

(Trong đó điểm 8 cách góc cây vải gần nhất 2,5m, điểm 9 cách cây vải gần nhất 80cm, điểm 10 là điểm giáp với tường nhà của anh C).

-Phía Đông được xác định từ điểm 1 đến 10 có chiều dài: 20m: tiếp giáp với nhà của anh H , anh C).

* Phần diện tích đất còn lại thuộc thửa số 94 tờ bản đồ số 46 và thửa đất số 86 tờ bản đồ số 46 theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2009, anh Dương Văn S và bà Lường Thị Đ (mẹ đẻ của anh S) có quyền sử dụng đất.

Đối với đất được chia, giữa Anh S và bà Lường Thị Đ không đề nghị Tòa án phân chia thửa đất.

Phần diện tích đất đã chuyển đổi với các hộ liền kề: Không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

2.3.3. Về nhà ở và công trình, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất: Anh Dương Văn S và bà Lường Thị Đ có quyền sở hữu nhà ở và công trình và tài sản gắn liền quyền sử dụng đất thuộc thửa số 94 và thửa số 86 tờ bản đồ số 46 theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2009.

Anh Dương Văn S và bà Lường Thị Đ không đề nghị Tòa án phân chia nhà về tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất.

2.3.4. Về đất nông nghiệp:

- Anh Dương Văn S và bà Lường Thị Đ có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 340, tờ bản đồ số 47, diện tích 1186m² theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2009 (tên gọi Nà Sòng).

- Anh Dương Văn S và bà Lường Thị Đ có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 336, tờ bản đồ số 35, diện tích 1000m² theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2009 (tên gọi Nà Khuổi Đảo).

Đối với thửa đất số 340 tờ bản đồ số 47 và thửa số 336 tờ bản đồ số 35, giữa anh Dương Văn S và bà Lường Thị Đ (mẹ đẻ anh S) không đề nghị Tòa án phân chia .

- Đối với thửa đất số 290 tờ bản đồ số 47 diện tích 1017m² theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2009 (tên gọi nà Bóc Thò) đã chia cho vợ chồng anh Dương Văn T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, Tòa án không xem xét giải quyết.

Các bên đương sự thống nhất chia theo hiện vật, không yêu cầu phân chia phần giá trị chênh lệch về tài sản, không đề nghị định giá tài sản.

2.3.5. Về đất lâm nghiệp: Các bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3.6. Các tài sản khác: Đương sự tự thỏa thuận giải quyết không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3.7. Về khoản nợ:

* Đối với khoản nợ của anh Dương Văn T: ghi nhận nghĩa vụ trả nợ: trong đó anh Dương Văn S có trách nhiệm trả cho anh Dương Văn T số tiền: 11.000.000 đ (mười một triệu đồng). chị Lường Thị X không có nghĩa vụ trả tiền

nợ cho anh Dương Văn T.

* Đối với khoản tiền nợ của Công ty Cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B: anh Dương Văn S có trách nhiệm trả khoản nợ của Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp B nợ gốc số tiền: 241.997.000 đ (hai trăm bốn mươi một triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng) và lãi: 15.841.000 đ (mười lăm triệu tám trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Tổng các khoản tiền: 257.838.000 đ (hai trăm năm mươi bảy triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Trong đó phương án trả nợ: Anh Dương Văn S có trách nhiệm trả khoản tiền: 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng) cho Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp B trước ngày 31/12/2017.

Số tiền: 157.838.000 đ (một trăm năm mươi bảy triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng) anh Dương Văn S có trách nhiệm trả toàn bộ trước ngày 30/6/2018. Chị Lương Thị X không có trách nhiệm trả khoản nợ này.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3.8. Về án phí: Áp dụng Pháp Lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chị Lương Thị X tự nguyện chịu án toàn bộ án phí ly hôn với số tiền: 100.000 đ (một trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 01805 - ngày 24/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

- Về án phí nghĩa vụ trả nợ: Tổng số án phí với số tiền: 6.445.000 đ (sáu triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), các bên thỏa thuận như sau:

- + Chị Lương Thị X chịu án phí: 3.500.000 đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 01805 - ngày 24/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

- + Phía Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp B tự nguyện chịu án phí với số tiền: 2.000.000 đ (hai triệu đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 01828- ngày 17/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Công ty cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí: 6.030.000 đ (sáu triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

- + Anh Dương Văn S tự nguyện chịu án phí vụ kiện với số tiền: 945.000 đ (chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án tỉnh BK
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan THA dân sự huyện P
- UBND xã C
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Hữu Truyền

